

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND xã Châu Ninh)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	294,957,000,000	TỔNG SỐ CHI	294,957,000,000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	4,500,000,000	I. Chi đầu tư phát triển	68,000,000,000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	72,680,000,000	II. Chi thường xuyên	181,838,000,000
III. Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương		III. Chi tiết kiệm nguồn CCTL	
IV. Thu bổ sung	217,777,000,000	IV. Dự phòng	5,100,000,000
- Bổ sung cân đối	177,758,000,000	V. Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu	40,019,000,000
- Bổ sung có mục tiêu	40,019,000,000		
V. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND xã Châu Ninh)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	152,799,000,000	133,884,000,000	333,977,000,000	294,957,000,000	218.57%	220.31%
I	Các khoản thu 100%	1,763,000,000	1,763,000,000	4,500,000,000	4,500,000,000	255.25%	255.25%
-	Phí, lệ phí	23,000,000	23,000,000	100,000,000	100,000,000	434.78%	434.78%
-	Thu từ quỹ đất công ích	1,190,000,000	1,190,000,000	1,190,000,000	1,190,000,000	100.00%	100.00%
-	Thu khác	100,000,000	100,000,000	100,000,000	100,000,000	100.00%	100.00%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	450,000,000	450,000,000	110,000,000	110,000,000	24.44%	24.44%
-	Thu ngoài quốc doanh (GTGT hộ cá thể)			3,000,000,000	3,000,000,000		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	61,560,000,000	42,645,000,000	111,700,000,000	72,680,000,000	181.45%	170.43%
1	Các khoản thu phân chia	61,510,000,000	42,635,000,000	111,700,000,000	72,680,000,000	181.60%	170.47%
-	Thuế GTGT, TNDN	750,000,000	300,000,000				
-	Thuế TNCN	570,000,000	240,000,000	5,200,000,000	1,680,000,000	912.28%	700.00%
-	Lệ phí trước bạ	190,000,000	95,000,000	6,500,000,000	3,000,000,000	3421.05%	3157.89%
-	Lệ phí môn bài						
-	Thu tiền sử dụng đất	60,000,000,000	42,000,000,000	100,000,000,000	68,000,000,000	166.67%	161.90%
2	Thu tiền thuê đất	50,000,000	10,000,000				
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-	-	-	-		
IV	Thu chuyển nguồn	-		-			
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-	-	-		
VI	Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương	-		-			
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	89,476,000,000	89,476,000,000	217,777,000,000	217,777,000,000	243.39%	243.39%
	- Thu bổ sung cân đối	38,448,000,000	38,448,000,000	177,758,000,000	177,758,000,000	462.33%	462.33%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	51,028,000,000	51,028,000,000	40,019,000,000	40,019,000,000	78.43%	78.43%

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND xã Châu Ninh)

Đơn vị : đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			DỰ TOÁN NĂM 2026			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	133,884,000,000	88,628,000,000	43,398,000,000	254,938,000,000	68,000,000,000	181,838,000,000	190.42%	76.73%	419.00%
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	88,628,000,000	88,628,000,000		68,000,000,000	68,000,000,000		76.73%	76.73%	
II	CHI THƯỜNG XUYỀN	43,398,000,000	0	43,398,000,000	181,838,000,000	0	181,838,000,000	419.00%		419.00%
	<i>Tiết kiệm 10% CCTL</i>				<i>1,710,300,000</i>		<i>1,710,300,000</i>			
	số còn lại được chi	43,398,000,000	0	43,398,000,000	180,127,700,000	0	180,127,700,000	415.06%		415.06%
1	Hoạt động quốc phòng	1,614,408,542		1,614,408,542	1,163,600,000		1,163,600,000	72.08%		72.08%
2	Hoạt động an ninh, trật tự	1,633,804,000		1,633,804,000	231,000,000		231,000,000	14.14%		14.14%
3	Sự nghiệp GD đào tạo				88,243,500,000		88,243,500,000			
4	Sự nghiệp khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo				1,292,000,000		1,292,000,000			
5	Sự nghiệp Y tế, dân số, gia đình	365,040,000		365,040,000	13,683,000,000		13,683,000,000	3748.36%		3748.36%
6	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	554,740,190		554,740,190	0			0.00%		0.00%
7	Hoạt động phát thanh	396,863,220		396,863,220	721,000,000		721,000,000	181.67%		181.67%
8	Sự nghiệp Môi trường				1,512,000,000		1,512,000,000			
9	Chi NS kinh tế nông nghiệp	200,249,100		200,249,100	299,000,000		299,000,000	149.31%		149.31%
10	Sự nghiệp kinh tế khác	747,610,417		747,610,417	924,000,000		924,000,000	123.59%		123.59%
11	Chi NS giao thông	135,979,000		135,979,000	1,271,300,000		1,271,300,000	934.92%		934.92%
12	Chi đảm bảo xã hội, người có công	189,340,000		189,340,000	0			0.00%		0.00%
13	Chi lương hưu và đảm bảo xã hội	5,536,808,500		5,536,808,500	17,791,000,000		17,791,000,000	321.32%		321.32%
14	Tổ chức xã hội	1,047,204,750		1,047,204,750	902,400,000		902,400,000	86.17%		86.17%
15	Chi quản lý nhà nước, đảng , đoàn thể	30,975,952,281		30,975,952,281	33,471,900,000		33,471,900,000	108.06%		108.06%
15.2	Văn Phòng HĐND ủy ban nhân dân	18,270,441,774		18,270,441,774	15,273,380,000		15,273,380,000	83.60%		83.60%
15.3	Văn phòng đảng ủy	6,920,156,836		6,920,156,836	12,117,340,000		12,117,340,000	175.10%		175.10%
15.4	Ủy ban mặt trận tổ quốc	5,785,353,671		5,785,353,671	6,081,180,000		6,081,180,000	105.11%		105.11%
16	Chi tăng cường CSVC				16,800,000,000		16,800,000,000			
17	Chi khen thưởng				911,000,000		911,000,000			
18	Chi khác				911,000,000		911,000,000			
III	CHI DỰ PHÒNG	1,858,000,000			5,100,000,000			274.49%		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND xã Châu Ninh)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	333,977,000,000	294,957,000,000
I	Các khoản thu 100%	4,500,000,000	4,500,000,000
-	Phí, lệ phí	100,000,000	100,000,000
-	Thu từ quỹ đất công ích	1,190,000,000	1,190,000,000
-	Thu khác	100,000,000	100,000,000
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	110,000,000	110,000,000
-	Thuế GTGT, TNDN	3,000,000,000	3,000,000,000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	111,700,000,000	72,680,000,000
-	Thuế TNCN	5,200,000,000	1,680,000,000
-	Lệ phí trước bạ	6,500,000,000	3,000,000,000
-	Lệ phí môn bài		
-	Thu tiền sử dụng đất	100,000,000,000	68,000,000,000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-	-
IV	Thu chuyển nguồn	-	
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-
VI	Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương	-	
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	217,777,000,000	217,777,000,000
	- Thu bổ sung cân đối	177,758,000,000	177,758,000,000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	40,019,000,000	40,019,000,000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND xã Châu Ninh)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	254,938,000,000	68,000,000,000	181,838,000,000
I	Chi đầu tư phát triển	68,000,000,000	68,000,000,000	
II	Chi thường xuyên	181,838,000,000		181,838,000,000
	<i>Tiết kiệm 10% CCTL</i>	<i>1,710,300,000</i>		<i>1,710,300,000</i>
	số còn lại được chi	180,127,700,000		180,127,700,000
1	Hoạt động quốc phòng	1,163,600,000		1,163,600,000
2	Hoạt động an ninh, trật tự	231,000,000		231,000,000
3	Sự nghiệp GD đào tạo	88,243,500,000		88,243,500,000
4	Sự nghiệp khoa học, công nghệ đổi	1,292,000,000		1,292,000,000
5	Sự nghiệp Y tế, dân số, gia đình	13,683,000,000		13,683,000,000
6	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	-		
7	Hoạt động phát thanh	721,000,000		721,000,000
8	Sự nghiệp Môi trường	1,512,000,000		1,512,000,000
9	Chi NS kinh tế nông nghiệp	299,000,000		299,000,000
10	Sự nghiệp kinh tế khác	924,000,000		924,000,000
11	Chi NS giao thông	1,271,300,000		1,271,300,000
12	Chi đảm bảo xã hội, người có công	-		
13	Chi lương hưu và đảm bảo xã hội	17,791,000,000		17,791,000,000
14	Tổ chức xã hội	902,400,000		902,400,000
15	Chi quản lý nhà nước, đảng , đoàn thể	33,471,900,000		33,471,900,000
15.2	Văn Phòng HĐND ủy ban nhân dân	15,273,380,000		15,273,380,000
15.3	Văn phòng đảng ủy	12,117,340,000		12,117,340,000
15.4	Ủy ban mặt trận tổ quốc	6,081,180,000		6,081,180,000
16	Chi tăng cường CSVC	16,800,000,000		16,800,000,000
17	Chi khen thưởng	911,000,000		911,000,000
18	Chi khác	911,000,000		911,000,000
III	CHI DỰ PHÒNG	5,100,000,000		